



 **Panindochina**<sup>®</sup>  
Your Safety Solution Provider

**Thiết Bị  
Sử Dụng Trong  
Môi Trường  
Công Nghiệp**





**INDUSTRIAL  
SCIENTIFIC**



**SKYLOTEC**

climb. work. rescue.  
**I|S|C**  
Solutions in Metal

**KANOX**

**sèkur**



**OPGAL**  
Beyond the Visible



**ZELINSKY  
GROUP**



**CALGAZ**



**CHEMDEFEND**  
PROTECTIVE CLOTHING



**3M**

**SCOTT  
SAFETY**



**RESPIREX**  
Living + Breathing Personal Protection



**CIRLOCK**  
LOCKOUT / TAGOUT EQUIPMENT

**JSP**



**Panindochina**

**CleanAIR**



**STREAMLIGHT**

**NEWTEX**  
EXTREME PROTECTIVE APPAREL



**MFC International**  
by RESPIREX  
ENGINEERED INFLATABLE PRODUCT SOLUTIONS

**THORZT**  
HYDRATE ENERGISE PERFORM

**MAPA**  
PROFESSIONNEL

**CT**  
climbing  
technology

**CURTISS -  
WRIGHT**

**ST** Protect



**frontier**  
SAFETY INDUSTRIAL FOOTWEAR

**INNO  
TEX**

**PRATT**  
SAFETY SYSTEMS



Windsock Company

**PIP**  
PROTECTIVE INDUSTRIAL PRODUCTS

**NEWAGE** FIRE PROTECTION  
INDUSTRIES PRIVATE LIMITED

**TOBIN**  
EYEWASH SYSTEM



**KLEVER  
INNOVATIONS**

**LW  
&  
COMPRESSORS**

## Panindochina Nhà cung cấp giải pháp an toàn cho bạn

Là nhà cung cấp chính thức các trang thiết bị an toàn và dịch vụ kỹ thuật tại Việt Nam, nhân tố chính thúc đẩy chúng tôi phát triển từ sự hài lòng của khách hàng thông qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng do chúng tôi cung cấp. Chúng tôi luôn mong muốn trở thành một trong các nhà cung cấp và là đối tác lâu dài hàng đầu của khách hàng ở khu vực Đông Dương.

## TẦM NHÌN

Trở thành một trong các nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao trên thị trường, thông qua việc sử dụng phương thức quản lý hệ thống.

## MỤC TIÊU

Xây dựng nhóm thiết bị an toàn cốt lõi với chất lượng và hiệu quả cao được khách hàng đánh giá và nhìn nhận về giá trị của sản phẩm và dịch vụ, đồng thời đáp ứng nhu cầu chức năng của thiết bị đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Đảm bảo và xây dựng **Panindochina** trở thành một trong các công ty có giá trị thương hiệu và uy tín trên thị trường, để chia sẻ các giá trị này đến người sử dụng.

Tìm hiểu và giới thiệu các nhà cung cấp tiềm năng khác có liên quan, để giúp khách hàng hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm.

Tiếp tục kế hoạch đào tạo và xây dựng nguồn nhân sự chuyên nghiệp cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

## NHIỆM VỤ

Nhằm mục đích thiết lập mạng lưới phân phối bao gồm các đại lý phân phối và đội ngũ bán hàng khu vực để tiếp cận và phục vụ khách hàng trong khu vực chính của Việt Nam.

Xây dựng các cơ sở dịch vụ kỹ thuật để tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng đối với các trang thiết bị an toàn do chúng tôi cung cấp.

Lập kế hoạch phát triển cho công ty và từng bước thực hiện các kế hoạch đó để xây dựng nguồn nhân sự chuyên nghiệp có kinh nghiệm đáp ứng nhiệm vụ và tầm nhìn của công ty.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng sản phẩm hướng về mục tiêu Giá trị và Hiệu quả sử dụng.

Tinh thần làm việc tập thể của toàn bộ nhân viên công ty để hỗ trợ khách hàng tốt nhất.

Nâng cao nhận thức về thị trường để xây dựng kênh trao đổi thông tin hiệu quả nhất giữa Nhà sản xuất - Nhà phân phối - Người sử dụng.

## Đặc Tính & Tiện Ích:

### Đặc Tính Mới

#### • Đóng gói chắc chắn

Đóng gói được sử dụng hoàn toàn bằng bì cứng đặc biệt và được lắp đặt trên pallet gỗ, đảm bảo sản phẩm được bảo vệ tốt hơn trong quá trình lưu trữ và vận chuyển.

#### • Sơn phủ bột

Bên ngoài và bên trong tủ được sơn phủ bột tăng khả năng chống chịu hóa chất.

#### • Tay nắm âm

Tay nắm âm thế mới hạn chế những hư hỏng tiềm ẩn trong những trường hợp va chạm mạnh

#### • Chìa khóa

Mỗi tủ được trang bị 2 chìa khóa (chỉ áp dụng với tủ có tay nắm khóa)

#### • Cơ chế tự đóng cửa

Cơ chế cửa tự đóng được vận hành với 3 lò xo nhằm hạn chế tối đa những thao tác không đúng trong quá trình đóng cửa.

#### • Khớp trượt

Tất cả tủ 1 cửa đều được trang bị khớp kiểm soát trượt nhằm tránh tình trạng cửa bị mở quá mức cho phép



### Kệ

#### • Kệ Thép Mạ Kẽm Dày

Kệ thép mạ kẽm dày 1.6mm với bề mặt đục lỗ tăng thêm sự chắc chắn và luân chuyển không khí dễ dàng bên trong tủ (tất cả các kệ được lắp sẵn trong tủ và có thể yêu cầu trong những trường hợp cần bổ sung kệ).

#### • Kệ Hoàn Toàn Có Thể Điều Chỉnh Được

Biên độ thay đổi kệ với kích thước 90mm đối với tủ lớn và 45mm đối với tủ nhỏ và trung bình

### Cơ Cấu Chung

#### • Nút Thông Hơi 50mm

Được trang bị trên các mặt tủ sử dụng thông hơi trong những khu vực được yêu cầu. Cùng với van chống cháy ngược có tính tin cậy cao được trang bị trên mỗi lỗ thông hơi với vành làm kín tại những điểm hở giữa các vách ngăn. Mỗi lỗ thông hơi được trang bị một nắp đậy bằng kim loại.

#### • Vách Thép Đôi

Được cấu tạo bằng vách thép đôi có độ dày 1,2mm với phần giữa 2 vách là khoảng không 40mm nhằm cải thiện khả năng cách nhiệt.

#### • Khay Lưu Trữ Dung Dịch Chiều Sâu 150mm

Khay chứa nhỏ sử dụng ngăn chặn những sự cố tràn hoặc rò rỉ

#### • Kết Nối Tiếp Đất

Mỗi tủ được trang bị một dây tiếp đất giúp hạn chế phát sinh tĩnh điện

#### • Nhãn Phân Loại

Tất cả các nhãn phân loại, công suất, nhận dạng và hướng dẫn sử dụng phù hợp được trang bị trên mỗi tủ.

### Cửa Tủ

#### • Cửa Tủ Tự Đóng

Cả 2 cửa tủ được trang bị cơ chế tự đóng đặc biệt và thứ tự, dễ dàng và đảm bảo cửa đóng theo đúng trình tự

#### • Khóa Cửa Thủy Lực

Dễ dàng điều chỉnh kiểm soát tốc độ đảm bảo thao tác đóng cửa nhẹ nhàng.

#### • Bàn Lề Piano

Bàn lề piano đảm bảo sự chắc chắn và tin cậy cao

#### • Góc Bo Tròn

Tất cả các cửa có các góc được bo tròn nhằm tăng thêm tính an toàn



## Tủ Bảo Quản Dung Dịch Cháy Nổ

Tủ bảo quản dung dịch dễ cháy tuân thủ theo tiêu chuẩn Úc AS 1940 "Bảo quản và xử lý dung dịch dễ cháy và dễ bắt lửa".

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản dung dịch dễ cháy được phân loại theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và bộ luật ADG đối với hàng hóa nguy hiểm.

Dung dịch dễ cháy bao gồm như sơn, dung môi, xăng, chất pha loãng, Kerosene, nhựa thông, rượu trắng, cồn và ethanol.

Cũng như dung dịch dễ bắt lửa như dầu Diesel, dầu hạt lanh, dầu thông.



5516AS



5530AS

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5516AS	30 L	1	1	5517-29	770	515	465	525	420	370
5517AS	60 L	1	2	5517-29	1065	515	465	820	420	370
5530AS	160 L	2	2	5545-29	1295	1115	500	1015	1020	415
5555VS	205 L	1	Kiểu bánh xe	-	1825	865	865	1580	770	775



## Tủ Bảo Quản Chất Ăn Mòn-Kim Loại

Tủ bảo quản chất ăn mòn sử dụng trong nhà tuân thủ theo tiêu chuẩn AS 3780 "Bảo quản và xử lý chất ăn mòn"

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản chất ăn mòn dạng dung dịch hoặc dạng rắn được phân loại bởi tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và bộ luật ADG đối với hàng nguy hiểm. Những chất này bao gồm hóa chất như a xít, ba zơ, chất ăn da, dung dịch natri hydroxit và dung dịch hypochlorit.

Đặc tính đặc biệt:

- Cửa tủ được trang bị bản lề kiểu piano bằng thép không gỉ tăng thêm khả năng bảo vệ, khóa mở cửa phía trong.
- Mỗi kệ được trang bị khay chống tràn bằng nhựa có thể chứa lượng nhỏ rò rỉ hoặc tràn.
- Lớp sơn phủ bột trên kệ và giá đỡ tăng thêm khả năng bảo vệ



5535ASPH



5545ASPH

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5517ASPH	60kg hoặc L	1	2	5517PH-29	1065	515	465	820	420	370
5535ASPH	100kg hoặc L	2	1	5535PH-29	770	935	620	495	840	530
5545ASPH	250kg hoặc L	2	3	5545PH-29	1825	1115	500	1545	1020	415
5590ASPH	425kg hoặc L	2	3	5590PH-29	1825	1115	865	1545	1015	775



## Tủ Bảo Quản Chất Độc Hại

Tủ bảo quản chất độc hại sử dụng trong nhà tuân thủ theo tiêu chuẩn Úc & New Zealand AS/NZS 4452 "Bảo quản và xử lý chất độc hại"

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản chất độc hại dạng dung dịch hoặc dạng rắn được phân loại theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và bộ luật ADG đối với hàng hóa nguy hiểm. Bao gồm những loại hóa chất như Alkaloids, Arsenic, Aniline, Cyanides, thủy ngân, Phenol – Solid và Trichloroethylene.



5530AST



5535AST

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5516AST	30 L	1	1	5517-29	770	515	465	525	420	370
5535AST	100 L	2	1	5535-29	770	935	620	495	840	530
5530AST	160 L	2	2	5545-29	1295	1115	500	1015	1020	415
5545AST	250 L	2	3	5545-29	1825	1115	500	1545	1020	415



## Tủ Bảo Quản Chất Oxi-Hóa

Tủ bảo quản chất oxi hóa tuân thủ theo tiêu chuẩn Úc AS 4326 "Bảo quản và xử lý chất oxi hóa"

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản chất oxi hóa dạng dung dịch hoặc dạng rắn được phân loại theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc hoặc bộ luật ADG đối với hàng hóa nguy hiểm. Bao gồm các hóa chất như chất vô cơ Hypochlorite, Hydrogen Peroxide, chất vô cơ Perchlorites và Potassium Nitrate.

Đặc tính đặc biệt:

- Tủ được trang bị cửa không khóa
- Tay nắm âm không trang bị khóa
- Khóa từ sẽ tự mở trong những tình huống tủ bị tăng áp từ phía bên trong (như yêu cầu theo tiêu chuẩn)



5530AOA



5545AOA

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5516AOA	30kg hoặc L	1	1	5517-29	770	515	465	525	420	370
5535AOA	100kg hoặc L	2	1	5535-29	770	935	620	495	840	530
5530AOA	160kg hoặc L	2	2	5545-29	1295	1115	500	1015	1020	415
5545AOA	250kg hoặc L	2	3	5545-29	1825	1115	500	1545	1020	415



## Tủ Bảo Quản Pê-Rô-Xít Hữu Cơ

Tủ bảo quản peroxide hữu cơ sử dụng trong nhà tuân thủ theo tiêu chuẩn Úc AS 2714 "Bảo quản và xử lý peroxides hữu cơ"

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản peroxide hữu cơ dạng dung dịch hoặc rắn được phân chia theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và bộ luật ADG đối với hàng hóa nguy hiểm. Bao gồm những loại hóa chất như Acetyl Acetone Peroxide, Methyl Ethyl Ketone Peroxide và Dibenzoyl Peroxide

Đặc tính đặc biệt:

- Tủ được trang bị cửa không khóa
- Tay nắm âm không trang bị khóa
- Khóa từ sẽ tự mở trong những tình huống tủ bị tăng áp từ phía bên trong (như yêu cầu theo tiêu chuẩn)



5530APO



5545APO

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5516APO	30kg hoặc L	1	1	5517-29	770	515	465	525	420	370
5535APO	100kg hoặc L	2	1	5535-29	770	935	620	495	840	530
5530APO	100kg hoặc L	2	2	5545-29	1295	1115	500	1015	1020	415
5545APO	100kg hoặc L	2	3	5545-29	1825	1115	500	1545	1020	415



## Tủ Bảo Quản Hàng Hóa Nguy Hiểm Class 4

Tủ bảo quản hàng hóa nguy hiểm loại 4 sử dụng trong nhà tuân thủ theo tiêu chuẩn Úc/ New Zealand AS/NZS 5026 "Bảo quản và xử lý hàng nguy hiểm loại 4"

Tủ được thiết kế phù hợp sử dụng bảo quản các loại hóa chất loại 4 dạng dung dịch hoặc rắn được phân chia theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc và bộ luật ADG đối với hàng hóa nguy hiểm. Vui lòng tham khảo Tiêu chuẩn.

Chúng bao gồm các đơn vị sau đây:

- Vật liệu dễ cháy
- Khí đốt
- Chất nguy hiểm khi ướt



5530AC4



5545AC4

Mã số	Dung tích	Cửa	Kệ	Kệ Thêm	Bên Ngoài (mm)			Bên Trong (mm)		
					Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu
5516AC4	60kg hoặc L	1	2	5517-29	770	515	465	525	420	370
5535AC4	100kg hoặc L	2	1	5535-29	770	935	620	495	840	530
5530AC4	160kg hoặc L	2	2	5545-29	1295	1115	500	1015	1020	415
5545AC4	250kg hoặc L	2	3	5545-29	1825	1115	500	1545	1020	415

# Hệ Thống Vòi Tắm & Bồn Rửa Mắt/Mặt

www.panindochina.com.vn



## Đặc Tính:

- Kiểu dáng đa dạng  
Phù hợp với nhiều lĩnh vực khác nhau
- Thành phần cấu kiện được làm bằng thép không gỉ 304  
Đảm bảo sự chắc chắn và bền bỉ
- Van vận hành bằng thép không gỉ 316  
Đảm bảo hiệu suất làm việc và tính tin cậy cao
- Vòi tắm được làm bằng nhựa ABS hoặc có thể chọn lựa thép không gỉ 316  
Với nước tạo hình nón độc đáo nhẹ nhàng cung cấp lưu lượng nước lớn đảm bảo quá trình tẩy rửa trọn vẹn
- Van kiểm soát lưu lượng nước vòi tắm  
Giới hạn lưu lượng nước vòi tắm lên đến 90 lít/phút
- Vòi chuyển đổi  
Sử dụng chuyển đổi từ vòi rửa mắt sang vòi rửa mặt - mắt



• Hệ thống tắm và rửa mắt được làm bằng thép không gỉ và nhựa chất lượng cao đảm bảo sản phẩm có tuổi thọ và tính tin cậy cao.

• Chúng loại đa dạng bao gồm hệ thống vòi tắm kết hợp bồn rửa mắt, vòi tắm an toàn, vòi rửa mắt/ mặt, .... Chúng tôi tự tin cung cấp cho bạn thiết bị có tính tin cậy cao đáp ứng tất cả yêu cầu tại khu vực làm việc.

• Trong quá trình sản xuất, xử lý hoặc bảo quản hóa chất,... với nhiều nguy cơ vắng bản tiềm ẩn có thể xảy ra, việc trang bị thiết bị an toàn khẩn cấp phù hợp là vấn đề cần thiết. Hệ thống vòi tắm & rửa mắt được khuyến dùng bởi các bác sỹ y khoa, quy định tiêu chuẩn và khu vực làm việc.

• Tất cả hệ thống rửa mắt và vòi tắm khẩn cấp được thiết kế và sản xuất tuân thủ hoặc vượt qua những yêu cầu tiêu chuẩn Úc AS4775. Bên cạnh đó sản phẩm cũng tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn Mỹ ANSI Z358.1.

## Công Nghệ Aerostream

Vòi rửa mắt và vòi rửa mặt-mắt cung cấp lưu lượng bọt nước nhẹ liên tục sử dụng rửa các chất độc hại mà không gây tổn thương đến mắt và tế bào da.

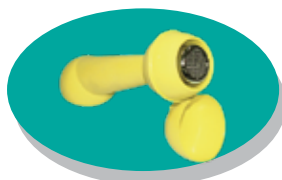
• Vòi rửa mắt/mặt (phía trên bên trái) bao gồm 3 vòi tạo bọt nước với nắp ngăn bụi tự đóng. Đóng vai trò như một bộ làm lệch tạo ra 1 màn chắn bọt nước bao phủ toàn bộ mặt và mắt. Mỗi bên được trang bị một vòi rửa cung cấp khả năng bao phủ toàn mặt.

• Vòi rửa mắt (phía dưới bên trái) bao gồm 1 vòi tạo bọt nước với nắp ngăn bụi. Cung cấp lưu lượng bọt nước hướng trực tiếp vào mắt đảm bảo khả năng tẩy rửa tối đa. Mỗi bên được trang bị một vòi rửa cung cấp khả năng bao phủ lên cả 2 mắt.

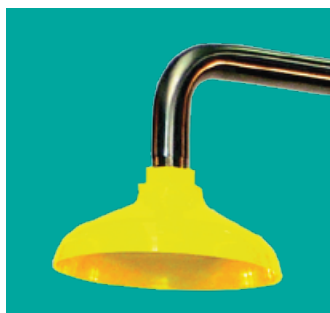
• Vòi rửa có thể được thay đổi theo nhu cầu ứng dụng.



Vòi rửa mắt/mặt Aerostream (bọt nước)



Vòi rửa mắt Aerostream (bọt nước)



Vòi tắm bằng nhựa



Vòi tắm bằng thép không gỉ



Vòi rửa 3 nhánh Aerostream (dạng bọt nước)



Vòi rửa đơn Aerostream (dạng bọt nước)



## Vòi Rửa Mắt

Vòi rửa mắt cung cấp dòng nước mềm mịn, dạng bọt nước.

Vòi rửa mắt có sẵn những phiên bản gắn tường hoặc bệ đỡ, có bồn rửa hoặc không, và có trang bị cơ chế vận hành bằng chân hoặc không. Mỗi vòi rửa đều được trang bị nắp bảo vệ chống bụi.

Cấu trúc bằng thép không gỉ cung cấp tuổi thọ và tính tin cậy cao.



## Hệ Thống Rửa Mắt Di Động

Luôn đảm an toàn cho người lao động trong bất kể khu vực làm việc.

Hệ thống rửa mắt di động cung cấp phương án sơ cứu khẩn cấp ngay lập tức và phù hợp sử dụng trong những khu vực làm việc không có khả năng trang bị hệ thống ống cấp nước, cũng như sử dụng trong lực lượng phản ứng nhanh và chữa cháy, phương tiện chuyên chở vật liệu nguy hiểm và làm việc trong những khu vực xa như hầm mỏ, nông nghiệp và xây dựng.

## Hệ Thống Vòi Tắm Và Rửa Mắt Di Động

Hệ thống vòi tắm và rửa mắt di động là giải pháp hữu dụng sử dụng trong xử lý sơ cứu khẩn cấp đối với những tai nạn hóa chất và bỏng, đảm bảo người lao động luôn được làm việc trong khu vực an toàn.

Vòi rửa mắt di động phù hợp sử dụng trong lực lượng phản ứng nhanh và chữa cháy, tài xế chuyên chở vật liệu nguy hiểm, và những khu vực làm việc hẻo lánh như khai thác mỏ, trồng trọt và xây dựng nơi nguồn nước không có sẵn.

Giải pháp hệ thống áp lực di động giúp giảm thiểu tối đa những tổn thương bằng cách cung cấp lưu lượng nước phù hợp trực tiếp vào mắt, mặt và cơ thể.

## Hệ Thống Vòi Tắm Và Rửa Mắt

Phù hợp sử dụng trong những khu vực yêu cầu tích hợp hệ thống vòi tắm và rửa mắt hoặc rửa mắt/mặt.

Hệ thống vòi tắm kết hợp rửa mắt hoặc rửa mắt/mặt bao gồm tất cả những tính năng và tiện ích của hệ thống vòi tắm và rửa mắt độc lập. Chỉ yêu cầu kết nối với duy nhất 1 nguồn cấp nước đầu vào. Có 9 model phổ biến nhất đảm bảo phù hợp trong những ứng dụng khác nhau bao gồm chức năng rửa mắt hoặc rửa mắt/mặt, có hoặc không có bồn rửa, và cơ chế vận hành bằng chân hoặc không.

### Van Kiểm Soát Lưu Lượng Nước

Hệ thống vòi tắm đa năng được trang bị van kiểm soát lưu lượng nước nhằm hạn chế lưu lượng nước đầu ra lên đến 90 lít/phút. Qua đó đảm bảo vòi tắm luôn vượt qua lưu lượng nước được yêu cầu tối thiểu và cho phép điều chỉnh lưu lượng nước được vận hành liên tục như đúng yêu cầu trong tiêu chuẩn.

### Lưu Lượng Nước Rửa Mắt Có Thể Điều Chỉnh

Hệ thống vòi tắm đa năng, vòi rửa mắt-mặt, vòi rửa mắt, tất cả đều được trang bị van kiểm soát lưu lượng nước có thể điều chỉnh. Hầu hết tất cả các vòi tắm đều được lắp đặt ốc vặn điều chỉnh lưu lượng nước riêng biệt, cho phép điều chỉnh lưu lượng nước đầu ra phù hợp với nhu cầu trong từng ứng dụng.



## EXP-SD-18G/85G EXP-SD-18GS/85G

Vòi tắm khẩn cấp ngoài trời

Vòi tắm khẩn cấp ngoài trời được trang bị cơ chế thoát nước tự động với bồn rửa mắt/ mặt bằng thép không gỉ 316L, phù hợp sử dụng trong khí hậu nóng. Thiết kế cho phép phần nước ứ đọng được xả ra ngoài từ ống dẫn nước thẳng đứng nhằm đảm bảo nguồn nước cung cấp đủ ấm.

Van được đặt ngay vị trí cấp nước đầu vào, ống thoát nước được đặt phía trên vì vậy phần nước ứ đọng có thể thoát xuống sàn nhằm ngăn chặn tình trạng nước ứ đọng quá nóng do ảnh hưởng từ bức xạ mặt trời và loại bỏ những nguy cơ bị tổn thương thêm khi sử dụng. Có sẵn hệ thống đường ống bằng thép mạ kẽm hoặc thép không gỉ 316L.



## EXP-AH-5G/45G EXP-AH-5GS/45G

Vòi tắm khẩn cấp ngoài trời

Vòi tắm khẩn cấp gắn sàn được trang bị bồn rửa mắt/mặt.

Thiết kế vòi rửa mắt/mặt có thể điều chỉnh phù hợp với những yêu cầu của từng khách hàng khác nhau.

Tuân thủ tiêu chuẩn ANSI phù hợp sử dụng trong những ứng dụng trong nhà không quá lạnh hoặc quá nóng. Có sẵn hệ thống ống bằng thép mạ kẽm hoặc thép không gỉ.



# Pa-Lết Chống Tràn Hóa Chất

www.panindochina.com.vn

## THIẾT KẾ CÓ KHẢ NĂNG CHỊU TẢI TỐT VÀ DỄ SỬ DỤNG

- Khả năng chịu tải cao
- Cấu tạo bằng 100% polyethylene
- Phù hợp sử dụng lưu trữ với nhiều loại hóa chất bao gồm axit, chất ăn mòn, nhiên liệu và dầu
- Thiết kế cho phép xếp lồng vào nhau, qua đó việc vận chuyển được thực hiện dễ dàng hơn
- Phần lưới có thể tháo rời cho phép dễ dàng vệ sinh và làm sạch bồn chứa
- Phù hợp sử dụng với xe nâng

1011

### Pa-lết Chống Tràn - 2 Thùng

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 249 lít  
Tải trọng tối đa: 1,364 kg  
Chiều cao: 419 mm  
Chiều rộng: 1,346 mm  
Chiều dài: 737 mm  
Trọng lượng: 29 kg  
Khả năng lưu trữ: 2 thùng



1235

### Pa-lết Chống Tràn - 4 Thùng

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 249 lít  
Tải trọng tối đa: 2,727 kg  
Chiều cao: 254 mm  
Chiều rộng: 1,295 mm  
Chiều dài: 1,295 mm  
Trọng lượng: 36 kg  
Khả năng lưu trữ: 4 thùng



## SỬ DỤNG LƯU TRỮ THÙNG CHỨA IBCs

- Phù hợp sử dụng thùng chứa IBCs, thùng phi hoặc những thùng chứa dung tích lớn.
- Cấu tạo bằng 100% polyethylene
- Phù hợp sử dụng với xe nâng
- Phần lưới có thể tháo rời cho phép dễ dàng vệ sinh và làm sạch bồn chứa
- Thiết kế có khả năng chịu tải tốt và thuận tiện trong quá trình sử dụng
- Khả năng chịu tải cao

1158

### Pa-lết Chống Tràn - 1 Thùng Chứa IBC

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 1,362 lít  
Tải trọng tối đa: 3,864 kg  
Chiều cao: 660 mm  
Chiều rộng: 1,570 mm  
Chiều dài: 1,570 mm  
Trọng lượng: 115 kg  
Khả năng lưu trữ: 1 thùng



1144

### Pa-lết Chống Tràn - 2 Thùng Chứa IBC

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 2,022 lít  
Tải trọng tối đa: 3,636 kg  
Chiều cao: 559 mm  
Chiều rộng: 1,565 mm  
Chiều dài: 3,162 mm  
Trọng lượng: 206 kg  
Khả năng lưu trữ: 2 thùng



## PHÙ HỢP SỬ DỤNG LƯU TRỮ VỚI HÓA CHẤT BAO GỒM AXIT, NHIÊN LIỆU VÀ DẦU

- Cấu tạo bằng 100% polyethylene
- Phù hợp sử dụng với xe nâng
- Phần lưới có thể tháo rời cho phép dễ dàng vệ sinh và làm sạch bồn chứa
- Thiết kế cho phép xếp lồng vào nhau, qua đó việc vận chuyển được thực hiện dễ dàng hơn

1321

### Pa-lết Chống Tràn - 1 Thùng

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 42 lít  
Tải trọng tối đa: 700 kg  
Chiều cao: 150 mm  
Chiều rộng: 680 mm  
Chiều dài: 680 mm  
Trọng lượng: 5.5 kg  
Khả năng lưu trữ: 1 thùng



1072

### Pa-lết Chống Tràn - 4 Thùng

Sức chứa rò rỉ/tối đa: 16 lít  
Tải trọng tối đa: 2,722 kg  
Chiều cao: 146 mm  
Chiều rộng: 1,321 mm  
Chiều dài: 1,321 mm  
Trọng lượng: 32 kg  
Khả năng lưu trữ: 4 thùng





## 2AA PROPOLYMER® HAZ-LO

Đèn pin cầm tay nhỏ gọn với thiết kế có độ bền cao, chống thấm nước và an toàn tuyệt đối. Sử dụng pin thay thế alkaline dễ tìm kiếm với chi phí hiệu quả.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn: SGS, Division 1, MSHA, Intrinsically Safe.
- C-SGS-US Class I, II, Division 1, Groups A, B, C, D, E, F, G; Class III; CL I, ZN 0, IIC; T-Class: T4 (được chứng nhận sử dụng với pin Energizer E91, Duracell MN1500 và Rayovac NO.815).
- MSHA, chứng nhận số 20-A140002-0. Được kiểm định tuyệt đối an toàn trong môi trường Metan. (được chứng nhận sử dụng với pin Energizer E91, Duracell MN1500 và Rayovac NO.815).
- Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (EC).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	65 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	24 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	96 m
Cường độ ánh sáng tối đa	2,300 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA
Số lượng pin	2
Chiều dài	16.26 cm
Trọng lượng	102.06 g
Màu sắc	Vàng, Đen

## DUALIE® 3AA

Dualie 3AA có thể sử dụng chiếu sáng cùng lúc vị trí trước mặt và dưới chân người sử dụng. Qua đó giúp người sử dụng tránh trơn trượt và vấp ngã trong quá trình lao động.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn IPX7.
- Class I, II, Division 1, Groups A, B, C, D, E, F, G; Class III; CL I, ZN 0, IIC; Exia; T-Code: T4.
- Đèn cầm tay được kiểm định an toàn tuyệt đối trong môi trường hỗn hợp khí m-tan - Chứng nhận số 20-A160001-0.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	245 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	9 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	18 giờ
Khoảng cách chiếu xa	171 m
Cường độ ánh sáng tối đa	7,300 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA, Lithium AA
Số lượng pin	3
Chiều dài	17,78 cm
Trọng lượng	192,78 g
Màu sắc	Vàng, Đen

## PROTAC® HL-X

ProTac HL-X có sẵn 2 loại: ProTac HL-X USB được trang bị hệ thống sạc pin bao gồm pin sạc USB thế hệ mới 18650 và cổng sạc USB. ProTac HL-X bao gồm 2 pin lithium CR123A. Cả 2 đều được trang bị công nghệ Multi-Fuel cho phép sử dụng pin sạc USB 18650 hoặc pin thay thế lithium CR123A, đảm bảo luôn đáp ứng nhu cầu chiếu sáng của người sử dụng khi cần thiết.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IPX7.
- Hầu hết các phiên bản đều đáp ứng các tiêu chuẩn Châu Âu hiện hành.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	1,000 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	1.5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	23 giờ
Khoảng cách chiếu xa	330 m
Cường độ ánh sáng tối đa	27,100 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	CR123A Lithium, 18650 Lithium Ion
Số lượng pin	1-2
Chiều dài	13.79 cm
Trọng lượng	161.59 g - 175.77 g
Màu sắc	Đen

## 3C PROPOLYMER® HAZ-LO

Đèn pin cầm tay được thiết kế đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt của ANSI/UL 913 CAN/CSA C22.2 Số 157-92 sử dụng trong những khu vực nguy hiểm.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn: ATEX, IECEx, Canada UL Listed, UL Listed, Division 1, MSHA, InMetro, Intrinsically Safe.
- C-UL-US Classified Class I, Division 1, Groups A,B,C,D; Class II, Division 1, Groups E,F,G; Class III; Exia; Temperature Code T4. Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (EC).
- Đèn pin theo tiêu chuẩn MSHA. Chứng nhận số. 20-A130003-0. Được kiểm định an toàn tuyệt đối trong môi trường khí Metan.
- ATEX: FTZU 11 ATEX 0183X; II 1G Ex ia IIC T4 Ga; II 1D Ex ia IIIC T99C Da.
- IECEx: IECEx FTZU 14.0011X; Ex ia IIC T4 Ga; Ex ia IIIC T99°C Da.
- InMetro UL-BR 12.0516X; Ex ia IIC T4 Ga; Ex ia IIIC T99°C.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	150 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	18 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	167 m
Cường độ ánh sáng tối đa	7,000 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm loại C
Số lượng pin	3
Chiều dài	23.62 cm
Trọng lượng	192.78 g
Màu sắc	Cam

## 4AA PROPOLYMER® LUX DIVISION 1

Cung cấp chùm sáng dài và sáng hơn gấp 10 lần đèn LED cường độ cao. Thiết kế kiểu dáng tiện dụng đảm bảo sự thoải mái tối đa khi sử dụng.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IP67.
- Hầu hết các phiên bản đều đáp ứng các tiêu chuẩn Châu Âu hiện hành.
- Division 1:
  - UL Listed Class I, Division 1, Groups C & D; Class I, Division 2, Groups A,B,C,D; Class II, Division 1, Groups F & G; Class III; Exia; Temperature Code T4. Đèn pin đạt tiêu chuẩn MSHA; Giấy chứng nhận số.20-A060002-0: kiểm tra trong hỗn hợp metan-không khí.
- Division 2:
  - UL Listed Class I, Division 2, Groups A, B, C & D; Class II, Division 2, Groups F & G; Class III; Temperature Code T3C.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	100 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	6 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	
Cường độ ánh sáng tối đa	4,200 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA
Số lượng pin	4
Chiều dài	17.78 cm
Trọng lượng	213.19 g
Màu sắc	Vàng, Đen

## STINGER DS® LED

Công nghệ chuyển đổi kép - Sử dụng ba chế độ chiếu sáng và nhấp nháy qua nắp ở phần đầu đèn hoặc công tắc. Các công tắc hoạt động độc lập với nhau (EC)

Đèn pin cầm tay đa năng được thiết kế phù hợp với nhiều nhu cầu chiếu sáng khác nhau.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IPX4.
- Hầu hết các phiên bản đều đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	350 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	3 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	10 giờ
Khoảng cách chiếu xa	322 m
Cường độ ánh sáng tối đa	26,000 candela
Kiểu pin	Pin sạc
Loại pin	Nickel-Cadmium, Nickel-metal Hydride
Số lượng pin	1
Chiều dài	22.48 cm
Trọng lượng	362.87 g
Màu sắc	Đen

# Đèn Pin Chống Cháy Nổ

www.panindochina.com.vn

## PROTAC® 2AA

Sử dụng 2 pin alkaline, ProTac 2AA là đèn pin cầm tay nhỏ gọn cung cấp chùm sáng có cường độ lên đến 250 lumens.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IPX7.
- Đáp ứng các tiêu chuẩn của Cộng đồng châu Âu.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	250 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	2 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	43 giờ
Khoảng cách chiếu xa	130 m
Cường độ ánh sáng tối đa	4,250 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA
Số lượng pin	2
Chiều dài	15.60 cm
Trọng lượng	96.19 g
Màu sắc	Đen

## SURVIVOR® ATEX

Chỉ số an toàn Zone 0. Thiết kế với phần gờ lắp mặt kính nhỏ đảm bảo không gây cản trở khi sử dụng với trang phục và thiết bị làm việc. Bên cạnh đó, với thiết kế khóa cài và móc chữ D cho người sử dụng nhiều phương án sử dụng.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn: ATEX, IECEx, InMetro.
- Tiêu chuẩn ATEX/IECEX FTZU 15 ATEX 0046X; IEC Ex FTZU 15.0029X II 1G Ex ia IIB T3/T4 Ga; II 2G Ex ia IIC T3/T4 Gb.
- Tiêu chuẩn InMetro DNV 16.0014X Ex ia IIB T3/T4 Ga; Ex ia T3/T4 Gb (T-Class T4: Pin Streamlight 90316, Pin Energizer L91 Lithium loại AA, Rayovac 815 hoặc Duracell MN1500. T-Class T3: Pin kiềm Energizer E91 loại AA, Panasonic LR6XP hoặc Panasonic LR6XWA).
- Bộ sạc pin đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1901-14.1.10.2 (2016).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	175 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	3.5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	10 giờ
Khoảng cách chiếu xa	405 m
Cường độ ánh sáng tối đa	41,000 candela
Kiểu pin	Pin sạc hoặc pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA, AA Lithium, Lithium Ion Cell Pack
Số lượng pin	
Chiều dài	17.93 cm
Trọng lượng	388.39 g
Màu sắc	Cam

## VULCAN® LED-ATEX

Được chứng nhận tiêu chuẩn ATEX Zone 2 đối với khu vực có khí và Zone 22 đối với những khu vực bụi. Đèn pin xách tay nhỏ gọn, trọng lượng chỉ 875g. Khả năng chiếu sáng tuyệt vời phù hợp sử dụng trong lĩnh vực chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.

### Chứng nhận:

- ATEX: II 3G Ex ic nA IIC T5 Gc II 3D Ex tc IIIC T54°C Dc FTZU 08 ATEX 0139X.
- IECEx: Ex ic nA IIC T5 Gc Ex tc IIIC T54°C Dc IECEX FTZU 15.0038X.
- InMetro Ex n A ic IIC T5 Gc Ex tc IIIC T54°C Dc IP66 DNV 16.0076X.
- Giá gác đèn đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1901-14.1.11.2 (2003).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	180 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	3,5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	7,5 giờ
Khoảng cách chiếu xa	632 m
Cường độ ánh sáng tối đa	100,000 candela
Kiểu pin	Pin sạc
Loại pin	Lithium Ion
Số lượng pin	2
Chiều dài	19.76 cm
Trọng lượng	875.43 g
Màu sắc	Cam

## VANTAGE® 180

Cung cấp khả năng cơ động tuyệt vời phù hợp sử dụng cho lực lượng chữa cháy. Vantage 180 có thể sử dụng cài nón bảo hộ, cầm tay hay đặt đứng vuông góc. Người sử dụng có thể mang theo nhiều cách khác nhau phù hợp với từng nhu cầu thực tế.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IPX7.
- Đáp ứng các yêu cầu của NFPA 1971-8.6 (2013).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	250 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	15 giờ
Khoảng cách chiếu xa	170 m
Cường độ ánh sáng tối đa	7,200 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	CR123A Lithium
Số lượng pin	2
Chiều dài	13.21 cm
Trọng lượng	167.26 g
Màu sắc	Đen, Cam

## FIRE VULCAN® LED

Đèn pin xách tay trọng lượng nhẹ, sử dụng công nghệ bóng LED, và có thể nổi trên mặt nước, phù hợp trang bị cho lực lượng chữa cháy. Khoảng cách chiếu xa và cường độ ánh sáng tốt, phía sau được trang bị 2 đèn LED màu xanh dương nhằm đảm bảo có thể được nhận diện từ đồng nghiệp trong môi trường khói dày đặc.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn: SGS, IPX7.
- USTC Class I, Div. 2, Grps. A,B,C,D; Class II, Div. 2, Grps. F,G; Class III T-Code: T4.
- Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (CE).
- Giá gác đèn đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1901-14.1.10.2 (2016).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	180 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	10 giờ
Khoảng cách chiếu xa	566 m
Cường độ ánh sáng tối đa	100,000 candela
Kiểu pin	Pin sạc
Loại pin	Lithium Ion
Số lượng pin	2
Chiều dài	19.05 cm
Trọng lượng	839.15 g
Màu sắc	Cam

## VULCAN® 180 LED

Vulcan 180 được thiết kế với khả năng chiếu sáng và thời gian sử dụng tuyệt vời giúp người sử dụng dễ dàng kiểm soát phạm vi công việc. Đèn pin chống thấm nước sử dụng pin sạc, phần đầu có thể lật 180 độ cho phép hướng ánh sáng đến những khu vực mong muốn. 3 bóng LED đảm bảo ánh sáng tuyệt vời, bên cạnh đó phía sau được trang bị 2 đèn LED xanh dương tăng khả năng nhận diện từ phía sau.

### Chứng nhận:

- Class I, Division 2 Groups A, B, C, D; Class II Division 2 Groups F, G; Class III; Temperature Class T4.
- Giá treo đèn đáp ứng những yêu cầu tiêu chuẩn NFPA 1901-14.1.10.2 (2016) được gắn tại bất kỳ vị trí.
- Đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	1,200 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	5.75 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	16 giờ
Khoảng cách chiếu xa	548 m
Cường độ ánh sáng tối đa	75,000 candela
Kiểu pin	Pin sạc
Loại pin	Lithium ion
Số lượng pin	3
Chiều dài	18.87 cm
Trọng lượng	1120.37 g
Màu sắc	Vàng, Cam

## SIEGE® AA

Được thiết kế nhỏ gọn, thời gian sử dụng lâu, hiệu suất làm việc cao đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt đối với những khu vực nguy hiểm trong khi vẫn duy trì công suất ánh sáng tuyệt vời.

### Chứng nhận:

- UL, C-UL Classified Class 1, Division 1, Groups A,B,C,D, Class II, Division 1, Groups E,F,G Class III, Temperature Code: T4.
- Chỉ số an toàn: Canada UL Listed, UL Listed, Division 1, MSHA, Intrinsically Safe. MSHA: Chứng nhận số 20-A070001-0. Kiểm định sử dụng trong môi trường khí Metan.
- Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (EC).
- Có thể lựa chọn theo tiêu chuẩn ATEX



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	200 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	7 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	37 giờ
Khoảng cách chiếu xa	
Cường độ ánh sáng tối đa	
Kiểu pin	Pin sạc
Loại pin	Pin kiềm AA
Số lượng pin	3
Chiều dài	13.82 cm
Trọng lượng	249.48 g
Màu sắc	Đỏ

## PROTAC HL® USB

Đèn pin đội đầu ProTac HL USB phù hợp với những công việc đòi hỏi phải sử dụng cả 2 tay và cần khả năng chiếu sáng trong diện rộng. Được thiết kế linh hoạt có thể sạc với hầu hết các nguồn USB, phù hợp với nhiều nguồn pin khác nhau như một phương án dự phòng, đảm bảo người sử dụng luôn có thể sử dụng khi cần thiết.

### Chứng nhận:

- Chỉ số bảo vệ IPX4.
- Hầu hết các phiên bản đều đáp ứng các tiêu chuẩn Châu Âu hiện hành.



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	1,000 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	20 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	232 m
Cường độ ánh sáng tối đa	13,500 candela
Kiểu pin	Pin sạc hoặc pin thay thế
Loại pin	Lithium Ion Cell Pack, 18650 Lithium Ion
Số lượng pin	1
Chiều dài	23.37 cm
Trọng lượng	654.87
Màu sắc	Vàng

## Đèn Sạc Di Động Công Suất Cao Scene Light II

- Cung cấp luồng ánh sáng có cường độ mạnh.
- 5 mức độ chiếu sáng tương ứng với thời gian vận hành.
  - 100%: 10,000 lumens; vận hành 2 giờ
  - 80%: 8,300 lumens; vận hành 2.75 giờ
  - 60%: 6,300 lumens; vận hành 3.75 giờ
  - 40%: 4,500 lumens; vận hành 5.75 giờ
  - 20%: 2,300 lumens; vận hành 11 giờ
- Khả năng chiếu sáng với nhiều chế độ sử dụng chiếu sáng toàn cảnh, phần đầu đèn có thể quay 360° hướng nguồn sáng đến khu vực cần chiếu sáng.
- Có thể xếp gọn.
- Pin Lithium ion sạc trong 6 giờ
- Đèn có thể sạc trong quá trình sử dụng khi được kết nối với nguồn điện, vận hành bằng dây nguồn AC hoặc DV.
- Chỉ số bảo vệ chống bụi và nước IP67.
- Phần vỏ đèn được làm bằng thermoplastic, chịu va đập cao được gắn trên khung hợp kim thép chắc chắn.
- Chân móc cho phép treo trên cửa, hàng rào bảo vệ, hàng rào...
- Kích thước nhỏ gọn 40.6x28.9x30.5 cm, 6.1 kg.



## 3AA HAZ-LO®

Bộ đèn pin phổ thông phù hợp sử dụng với cả nón chữa cháy kiểu dáng truyền thống và hiện đại. Với thiết kế nhỏ gọn, kính tế có thể sử dụng với hầu hết nón chữa cháy.

### Chứng nhận:

- Chỉ số an toàn: ATEX, IECEx, Canada UL Listed, UL Listed, Division 1, MSHA, InMetro, Intrinsically Safe.
- C-UL-US Classified Class I, Division 1, Groups A,B,C,D; Class II, Division 1, Groups E,F,G; Class III; Exia; Temperature Code T4.
- Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (EC).



### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	120 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	11 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	165 m
Cường độ ánh sáng tối đa	
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AAA
Số lượng pin	3
Chiều dài	7.82 cm
Trọng lượng	201.28 g
Màu sắc	Cam

## 3AA PROPOLYMER® HAZ-LO

Bộ đèn pin phổ thông phù hợp sử dụng với cả nón chữa cháy kiểu dáng truyền thống và hiện đại. Với thiết kế nhỏ gọn, kính tế có thể sử dụng với hầu hết nón chữa cháy.

### Chứng nhận:

- Chứng chỉ an toàn: ATEX, IECEx, Canada UL Listed, UL Listed, Division 1, MSHA, InMetro, Intrinsically Safe
- C-UL-US Classified Class I, Division 1, Groups A,B,C,D; Class II, Division 1, Groups E,F,G; Class III; Exia; Temperature Code T4.
- Hầu hết các phiên bản đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu (EN).

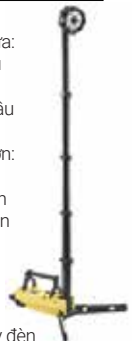


### Thông số kỹ thuật

Quang thông cao	120 lumen
Thời gian sử dụng ở chế độ cao	6,5 giờ
Thời gian sử dụng ở chế độ thấp	
Khoảng cách chiếu xa	237 m
Cường độ ánh sáng tối đa	14,000 candela
Kiểu pin	Pin thay thế
Loại pin	Pin kiềm AA
Số lượng pin	3
Chiều dài	17.78 cm
Trọng lượng	212.62 g
Màu sắc	Vàng

## Đèn Chiếu Sáng Di Động Scene Light EXT

- Cung cấp luồng sáng đồng nhất, bộ khuếch tán ánh sáng có thể lựa chọn phù hợp sử dụng với 2 chiều rộng luồng ánh sáng, 3 chế độ có thể chọn lựa:
- Cao sử dụng luồng ánh sáng siêu sáng: 5.300 lumens, khoảng cách chiếu xa 410m, thời gian vận hành 4 giờ.
- Trung bình sử dụng luồng ánh sáng cường độ cao và thời gian vận hành lâu hơn: 2.500 lumens, khoảng cách chiếu xa 292m, thời gian vận hành 9 giờ.
- Thấp sử dụng luồng ánh sáng cường độ thấp và thời gian vận hành lâu hơn: 1.300 lumens, khoảng cách chiếu xa 215m, thời gian vận hành 18 giờ.
- Tối ưu hóa khả năng chiếu sáng ngoại vi phù hợp sử dụng chiếu sáng toàn cảnh, phần đầu đèn có thể quay 90 độ hướng nguồn sáng đến khu vực cần chiếu sáng.
- Pin sạc axit chì, có thể sạc lên đến 500 lần.
- Đèn có thể sạc trong quá trình hoạt động từ nguồn điện chuyên dụng sử dụng dây nguồn AC hoặc DC.
- Thiết kế cân bằng và dễ triển khai, thời gian lắp đặt không quá 30 giây, cây đèn có thể nâng cao đến 213.36cm.
- Chỉ số bảo vệ IP67, chống thấm nước & bụi.
- Được thiết kế có khả năng chống chịu sức gió 40mph từ tất cả các hướng khi được nâng cao tối đa.
- Trọng lượng 11.6kg cung cấp tính ổn định cao, nhưng dễ dàng vận chuyển.
- Đóng gói nhỏ gọn 64.8cm giúp bảo quản dễ dàng.



## COPPUS

### CADET® Vaneaxial

Quạt thông gió được thiết kế nhỏ gọn, tiện dụng, chắc chắn, có tính cơ động và kinh tế cao cung cấp lưu lượng khí đáng kinh ngạc. Vỏ quạt sử dụng công nghệ phun đúc chống ăn mòn gần như không thể phá hủy. Phù hợp sử dụng thông gió trong không gian hạn chế dưới lòng đất và công nghiệp nhẹ, và có sẵn nhiều phiên bản khác nhau.

#### Tính năng / Ưu điểm:

- Phần vỏ sử dụng công nghệ phun đúc chống cháy.
- Cánh quạt được làm bằng nhựa polyester pha sợi thủy tinh với khả năng chống tia lửa điện.
- Phù hợp với ống dẫn khí dẻo 8 in (203mm).
- Động cơ AC 60Hz / 50Hz.
- Động cơ dùng trong khu vực nguy hiểm NEC Class / Div1.



Model VAC



Model VEP

Phiên bản Vaneaxial				Hiệu suất làm việc qua các góc 90°(S)									
Phiên bản	Động cơ (Điện)	Động cơ	HP	Trọng lượng		Lưu lượng khí		1-90 độ		2-90 độ		3-90 độ	
				lbs	kg	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr
VAC1	115V/60Hz	TE	1/2	35	16	867	1,465	776	1,318	766	1,301	756	1,284
VAC2	110V/50Hz	TE	1/2	35	16	804	1,358	730	1,240	720	1,223	710	1,206
VAC3	230V/60Hz	TE	1/2	35	16	867	1,465	776	1,318	766	1,301	756	1,465
VAC4	220V/50Hz	TE	1/2	35	16	804	1,358	730	1,240	720	1,223	710	1,206
VEP1	115V/60Hz	PE	1/2	40	19	867	1,465	776	1,318	776	1,301	756	1,284
VEP2	110V/50Hz	PE	1/2	40	19	804	1,358	730	1,240	720	1,223	710	1,206
VEP3	230V/60Hz	PE	1/2	40	19	867	1,465	776	1,318	766	1,301	756	1,284
VEP4	220V/50Hz	PE	1/2	40	19	804	1,358	730	1,240	720	1,223	710	1,206

## COPPUS

### AIR MAX 12

Quạt thông gió với kích thước 12 in (305 mm), gọn nhẹ, chắc chắn cung cấp lưu lượng khí lên đến 2,200 cfm (3,740 m³/giờ) giúp thông gió trong không gian kín và cung cấp không khí.

#### Tính năng / Ưu điểm:

- Tốc độ lưu thông khí: 2,200 cfm (3,740 m³/giờ).
- Trọng lượng: 44 lbs (18.14 kg).
- Thiết kế bằng thép chắc chắn.
- Công tắc: bật / tắt động cơ.
- Cánh dẫn hướng cố định giúp nâng cao hiệu suất thông khí.
- Cánh quạt được làm bằng polypropylene, gia cố bằng sợi thủy tinh, không phát sinh tia lửa điện.
- Dây nguồn dài 20 ft (6.1 m).
- Miếng đệm chân chống rung.
- Sử dụng động cơ TE, không dùng cho các khu vực nguy hiểm.



Độ ồn	
Phiên bản	dB(A)
Air Max 12	74

Lưu Lượng Khí Qua Ống Dẫn Khí								
Phiên bản	Lưu lượng khí		10 foot (3 m)		20 foot (6 m)		30 foot (9 m)	
	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr
Air Max 12								
50 Hz	1,827	3,105	1,247	2,770	1,191	2,650	1,112	2,470
60 Hz	2,200	3,740	2,120	3,602	2,025	3,440	1,890	3,211

## COPPUS

### TA16

Thiết kế cánh quạt độc đáo không chỉ cho phép luân chuyển lưu lượng không khí tuyệt vời mà còn tối đa hóa áp suất tĩnh, cho hiệu năng tốt hơn thông qua việc tăng độ dài của ống dẫn khí. Sử dụng lý tưởng cho các khu vực bao gồm bồn bể, đường hầm, tháp và hầm tàu, hoặc dùng cho quá trình làm mát.

#### Tính năng / Ưu điểm:

- Động cơ TE hoặc EP.
- Cơ chế bảo vệ quá tải nhiệt.
- Phần vỏ bằng thép chất lượng cao, được phủ lớp sơn bột.
- Cánh quạt được làm bằng nhôm đúc hoặc sợi thủy tinh cung cấp khả năng chống tia lửa điện.
- Chân đế ổn định (có thể lắp bánh xe).
- Ống dẫn khí có thể được kết nối tại vị trí đầu vào và đầu ra.
- Bánh xe tùy chọn có sẵn.



Độ ồn	
Phiên bản	dB(A)
TA16	96

Lưu Lượng Khí Qua Ống Dẫn Khí									
Phiên bản	Free Air		10 foot (3 m)		20 foot (15 m)		30 foot (30 m)		
	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	
TA16-5500-2HP	50 Hz	4,583	7,788	4,029	6,846	3,617	6,149	3,229	5,488
TA16-5500-2HP	60 Hz	5,500	9,345	4,835	8,215	4,340	7,379	3,875	6,585

## COPPUS

### VANO® 175CV & 250CV

Coppus đã cách mạng hóa quạt thông khí đã tồn tại hơn 60 năm với sự giới thiệu và cho ra đời dòng sản phẩm VANO. VANO sử dụng cánh quạt dẫn hướng cố định giúp luân chuyển lượng lớn không khí trong khi luôn đảm bảo áp suất tĩnh đối với khí thải và cung cấp không khí sạch. Với thiết kế chắc chắn, bền và hiệu năng cao, VANO phù hợp sử dụng thông khí trong các bồn chứa, hồ ga và các không gian hạn chế khác.

#### Tính năng / Ưu điểm:

- Cánh quạt dẫn hướng cố định dạng thẳng giúp tăng hiệu quả áp suất tĩnh.
- Có thể gắn ống dẫn ở đầu ra hoặc đầu vào.
- Có thể lưu thông khói ở đáy bồn.
- Có sẵn động cơ TE hoặc chống cháy nổ EP với công tắc tương thích, tất cả các mẫu được sử dụng với dây nguồn 15 ft (4.572 m).
- Cấu tạo bằng nhôm đúc và thép dày, sơn phủ bột.
- Cánh quạt chống tia lửa điện.
- Cơ chế bảo vệ quá tải nhiệt được trang bị trên các phiên bản VANO 175CV và 250CV.
- Có thể sử dụng với giá 3 chân hoặc xe đẩy.



Có sẵn phiên bản VANO sử dụng trong khu vực nguy hiểm (EP\*) động cơ đáp ứng yêu cầu của NEC Class I, Division I, Group D và Class II, Division I, Groups E, F, G.

Độ ồn	
Phiên bản	dBA
VANO 175CV	90
VANO 250CV	92

#### Lưu Lượng Khí Qua Ống Dẫn Khí

Phiên bản	Lưu lượng khí		10 foot (3 m)		20 foot (3 m)		30 foot (15 m)		50 foot (30 m)		
	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	cfm	m³/hr	
175CV	60 Hz	1,500	2,549	1,400	2,379	1,300	2,209	1,200	2,039	1,080	1,835
250CV		3,000	5,098	2,940	4,995	2,620	4,452	2,480	4,214	2,300	3,908
175CV	50 Hz	1,250	2,124	1,167	1,983	1,083	1,841	1,000	1,699	900	1,529
250CV		2,500	4,248	2,450	4,163	2,183	3,710	2,067	3,512	1,917	3,257

## COPPUS

### DOUBLE-DUTY HEAT KILLER

Với lưu lượng không khí lên đến 17,000 cfm (28,890 m³/giờ) Double-Duty™ Heat Killer (DDHK) là một trong những thiết bị thông khí mạnh mẽ và tiện lợi nhất trên thị trường hiện nay. Thiết kế cánh quạt điều hướng có thể điều chỉnh, được cấp bằng sáng chế cho phép kiểm soát lưu lượng không khí - từ thổi gió nhẹ để làm mát cho lực lượng lao động, đến luồng không khí mạnh tập trung để làm mát sản phẩm và quá trình sản xuất.

#### Tính năng / Ưu điểm:

- Cánh quạt điều hướng có thể điều chỉnh cho phép tạo sức gió đa dạng từ nhẹ đến mạnh.
- Có các phiên bản 24 in (610 mm) và 30 in (762 mm).
- Có loại để sàn hoặc gắn tường.
- Vỏ và khung bằng thép chất lượng cao, chắc chắn.
- Đạt tiêu chuẩn an toàn OSHA.
- Tùy chọn động cơ TE và EP.
- Động cơ có thể sử dụng trong khu vực nguy hiểm đáp ứng các yêu cầu của NEC I, Division I, Group D và Class II, Division I, Group F and G.
- Động cơ được trang bị cơ chế bảo vệ quá tải nhiệt.

\* Lưu ý: Phích cắm EP được bán riêng để phù hợp với từng chỉ số địa phương.



Độ ồn	
Phiên bản	dBA
24K07D	79
24K10D	85
30K30D	92

#### Lưu Lượng Khí Qua Ống Dẫn Khí

Phiên bản	Lưu lượng khí		10 foot (3 m)		30 foot (9 m)		50 foot (15 m)		70 foot (21 m)		90 foot (27 m)		
	cfm	m³/hr	fpm	m/min	fpm	m/min	fpm	m/min	fpm	m/min	fpm	m/min	
24K10D JB	7,997	13,595	1,410	428	707	215	471	143	295	89	156	47	
24K10D DF	7,997	13,595	564	171	316	96	236	72	194	59	-	-	
30K30D JB	50 Hz	15,988	27,180	2,116	645	940	286	846	258	658	200	447	136
30K30D DF		15,988	27,180	1,204	367	489	150	320	98	292	89	-	-

## COPPUS

### JECTAIR HP STANDARD

Hiệu suất tuyệt vời của Coppus Jectair HP đã được kiểm chứng qua nhiều lĩnh vực công nghiệp. Khi được so sánh với quạt thổi khí thể hệ cũ, buồng trộn không khí được cấp bằng sáng chế của Jectair HP có thể tạo ra chuyển đổi không khí với tỉ lệ lên đến 40:1 và tiết kiệm lượng tiêu thụ khí nén lên đến 26%.

#### Đặc tính/Ưu điểm:

- Có 5 kích cỡ: 3S-HP, 3-HP, 6-HP, 8-HP, hoặc 9-HP.
- Các phiên bản hiệu năng cao (HP) và Hornet có 3 kích cỡ: 3S-HP, 3-HP và 6-HP.
- Khả năng cung cấp lưu lượng khí từ 1,370 đến 8,900 cfm (2,328 đến 15,121 m³/giờ).
- Tỷ lệ chuyển đổi lên đến 40:1.
- Áp suất tĩnh cao.
- Chất liệu bộ phận khuếch tán có thể chọn lựa bằng thép, nhôm hoặc nhựa chống va đập (Hornet HP).
- Không có bộ phận chuyển động (không cần bảo dưỡng).
- Dây cáp tiếp đất (tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản) với kẹp lò xo và đầu tiếp xúc có thể thay thế.



## COPPUS

### JECTAIR HORNET

Jectair Hornet HP được trang bị bộ khuếch tán bằng polymer, chống va đập, nhẹ và khó bị phá hủy.

#### Đặc tính/Ưu điểm:

- Có ba kích cỡ: 3S-HP, 3-HP và 6-HP.
- Lớp vỏ chống tĩnh điện.
- Bộ khuếch tán được làm bằng polyetylen, đạt tiêu chuẩn UL 94 với nhiệt độ hoạt động tối đa là 160° Fahrenheit (93°C).



#### Hiệu Suất Hoạt Động

Áp suất vào	Phiên bản	Lưu lượng khí cfm (m³/hour)	Lưu lượng khí tiêu hao (cfm)	Hiệu suất lưu lượng
60 psig 4.2 kg/cm²	3S-HP	1,370 (2,328)	47 (80)	29.1
	3-HP	1,520 (2,595)	47 (80)	32.3
	6-HP	3,980 (6,762)	98 (167)	40.6
	8	5,600 (9,515)	178 (302)	31.5
	9	6,880 (11,096)	265 (450)	25.8

#### Hiệu Suất Hoạt Động

Áp suất vào	Phiên bản	Lưu lượng khí cfm (m³/hour)	Lưu lượng khí tiêu hao (cfm)	Hiệu suất lưu lượng
100 psig 7 kg/cm²	3S-HP	1,660 (2,820)	72 (122)	23.0
	3-HP	1,860 (3,160)	72 (122)	25.8
	6-HP	4,870 (8,274)	153 (260)	31.8
	8	6,750 (11,469)	282 (479)	23.9
	9	8,900 (15,121)	410 (697)	21.7

#### Hiệu Suất Hoạt Động

Áp suất vào	Phiên bản	Lưu lượng khí cfm (m³/hour)	Lưu lượng khí tiêu hao (cfm)	Hiệu suất lưu lượng
80 psig 5.6 kg/cm²	3S-HP	1,530 (2,600)	61 (104)	25.1
	3-HP	1,700 (2,888)	61 (104)	27.8
	6-HP	4,500 (7,645)	126 (214)	35.7
	8	6,250 (10,620)	233 (396)	26.8
	9	8,000 (13,592)	366 (571)	23.8

## COPPUS

### CP 20

Quạt thông khí được thiết kế sử dụng khử khí độc triệt để và nhanh chóng, thông khí hoặc làm lạnh bồn chế biến lớn như ống, tháp, lò phản ứng, lò nung hoặc bể chứa.

#### Đặc tính/Uu điểm:

- Cung cấp lưu lượng không khí lên đến 11,200 cfm (19,029 m<sup>3</sup>/giờ).
- Có thể được sử dụng như máy thổi hoặc quạt hút.
- Phù hợp với miệng bồn API có đường kính 20 in (508 mm).
- Lớp vỏ và cánh quạt bằng nhôm đúc.
- Pit tổng tu-bin được làm bằng thép không gỉ.
- Vòi dẫn khí được làm bằng thép không gỉ sử dụng vận hành với áp suất cao hoặc thấp.
- Trục quạt thông gió quay trên vòng bi được làm kín vĩnh viễn.



Động Cơ Khí Nén		
Mã số	PSIG	dBA
CP 20	80	108
CP 20	60	107
CP 20	40	105

## COPPUS

### REACTION FAN

Cánh quạt và phần vỏ bọc được làm bằng nhôm đúc, chắc chắn vì vậy thiết bị có thể sử dụng trong những khu vực độc hại và những dự án yêu cầu thông khí. Thiết kế RF sử dụng nguyên lý tương tác phân lực, khí nén được xả qua các lỗ được đặt tại phần chóp của cánh quạt, tạo nên thiết bị thông khí hiệu suất cao, lưu lượng khí luân chuyển lớn, chi phí bảo dưỡng thấp.

#### RF-12, RF-16

#### Đặc tính/Uu điểm:

- Lưu lượng khí 2,100 đến 5,100 cfm (3,566 đến 8,665 m<sup>3</sup>/giờ) tại áp suất 80 psig.
- Sử dụng cung cấp không khí sạch hoặc thổi khói độc hại.
- Lượng tiêu hao khí nén thấp.
- Vỏ và cánh quạt bằng nhôm chống tia lửa điện.
- Không cần bảo dưỡng.
- Vòng bi tra dầu vĩnh viễn.
- Tay nắm và phần chân đúc.
- Phù hợp sử dụng với ống thông khí 12 in (305 mm) và 16 in (406 mm).
- Các lỗ khoan cho phép gắn các tấm tiếp hợp tùy chọn.



#### RF-20, RF-24

#### Đặc tính/Uu điểm:

- Lưu lượng khí 11,000 đến 16,900 cfm (18,689 đến 28,713 m<sup>3</sup>/ giờ) tại áp suất 80 psig.
- Sử dụng để cung cấp không khí sạch hoặc thổi khói độc hại.
- Có thể mang hoặc lăn vào khu vực làm việc.
- Vỏ bọc và cánh quạt bằng nhôm chống tia lửa điện.
- Vòng bi bôi trơn vĩnh viễn.
- Phù hợp với bồn API có đường kính miệng 20 in (508mm) và 24 in (610mm).

Lưu Lượng Khí Đi Qua Trực Tiếp Đường Ống Tại 80 psig: cfm (m <sup>3</sup> /hr)		Dữ Liệu Vận Hành Của Lưu Lượng Khí											
Phiên bản	Kích thước ống (inch)/(mm)	Chiều dài của ống dẫn khí					Áp suất vào		Lưu lượng tiêu hao		Tổng lưu lượng khí		Hiệu suất lưu lượng
		20 ft(6m)	30 ft(9m)	40 ft(12m)	50 ft(15m)	100 ft(31m)	(psig)	(kg/cm <sup>2</sup> )	(scfm)	(m <sup>3</sup> /hr)	(scfm)	(m <sup>3</sup> /hr)	
RF-12	12/305	2,020 (3,433)	1,960 (3,331)	1,910 (3,246)	1,870 (3,178)	1,680 (2,855)	80	5.6	61	104	2,140	3,636	35
RF-16	16/406	4,850 (8,241)	4,750 (8,071)	4,600 (7,816)	4,550 (7,731)	4,150 (7,052)	80	5.6	144	246	5,100	8,665	35
RF-20	20/508	-					60	4.2	160	271	7,000	11,893	59
							80	5.6	210	375	11,000	18,689	53
RF-24	24/610	-					60	4.2	324	550	14,600	24,804	45
							80	5.6	400	680	16,900	28,713	42

### Bộ Khung Sử Dụng Với RF-20/24 và CP-20

Cho phép lực lượng lao động và thiết bị được đưa vào và đưa ra khỏi bồn, bể chứa nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn với bộ khung sử dụng với RF-20/24 và CP-20, được gắn vào miệng bồn API tiêu chuẩn có đường kính 20 in (508mm) hoặc 24 in (610mm). Cửa mở (được làm bằng nhôm đúc) được giữ chắc chắn với khóa cài nhanh có thể mở và đóng dễ dàng bằng thao tác đẩy và kéo.



## Phụ Kiện



### Hộp Bảo Quản Ống Dẫn Khí

Gia tăng tuổi thọ ống dẫn khí với hộp bảo quản chất lượng cao được làm bằng polyethylene trọng lượng nhẹ, nhằm đảm bảo dễ dàng và an toàn hơn trong quá trình vận chuyển và bảo quản.

- Hộp bảo quản có sẵn các kích thước:
- 8 in x 25 ft (203 mm x 7,500 mm).
- 12 in x 20 ft (305 mm x 6,000 mm).
- 16 in x 30 ft (406 mm x 9,000 mm).



### Ống Dẫn Khí

Với nhiều sự lựa chọn ống dẫn khí phù hợp với nhiều ứng dụng thông khí khác nhau. Ống dẫn khí chất lượng cao phổ biến nhất hiện nay được làm bằng chất liệu pha polyester thiết kế sử dụng trong những môi trường công nghiệp, hoặc những môi trường khắc nghiệt. Bên cạnh đó có thể chọn những loại ống khác phù hợp với từng môi trường làm việc khác nhau như ống chống tĩnh điện,...



### Giá 3 Chân JECTAIR

Nhằm sử dụng cố định thiết bị trong thời gian dài, thiết kế có thể quay 360° nhằm định hướng chính xác luồng khí, phù hợp sử dụng với 3-HP và 6-HP Jectair. Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng với 2 khóa cài nhanh. Chân đứng lớn cung cấp sự ổn định trong suốt quá trình hoạt động, bên cạnh đó chân được trang bị lò xo chịu tải nhằm dễ dàng vận chuyển và bảo quản.



### Xe Đẩy

Xe đẩy thiết kế chắc chắn cho phép vận chuyển quạt thông khí VANO 175CV và 250CV dễ dàng hơn (có thể được đặt trên xe trong suốt quá trình hoạt động); bao gồm móc nâng.



### Giá 3 Chân VANO

Sử dụng với VANO 175CV hoặc 250CV, nhằm cố định vị trí thiết bị và định hướng luồng khí dễ dàng hơn với khả năng xoay 360° trên bề mặt 45°, chân đứng được trang bị lò xo chịu tải có thể gấp nhằm dễ dàng trong quá trình vận chuyển và bảo quản. Trọng lượng: 19 lbs (9kg).



## ÁO PHAO WV-10

Áo phao 3 mảnh được làm bằng foam phủ vinyl, Type V. Foam nổi tế bào kín không xảy ra tình trạng hút nước trong trường hợp bị cắt hoặc đâm xuyên. Lớp phủ chắc chắn có khả năng chống chịu khi tiếp xúc với axit, chất ăn da, tia UV, hydrocarbon, nấm mốc, phai màu, xé rách và bào mòn. Dễ vệ sinh với xà phòng và nước, hệ thống dây đai được thiết kế có khả năng chịu lực và chịu tải. Dây đai ngực đảm bảo luôn cố định áo phao với người sử dụng khi rơi xuống nước và ngăn chặn tình trạng tuột áo phao



## PHAO RB30S

Phao cứu sinh tròn, màu cam, chứng nhận theo tiêu chuẩn SOLAS, Type IV, được trang bị dải phản quang, và có thể sử dụng để ném. Được thiết kế bằng 100% chất liệu xốp polyurethane. Lớp bên ngoài được làm bằng chất liệu polyethylene mỏng.

- RB 30: 30" (76 cm) - Chứng nhận USCG
- RB 30S: 30" - Chứng nhận USCG số 160,050/9/0 và SOLAS 74/83



## ÁO PHAO DECKVEST 5D

Áo cứu sinh sử dụng cho thủy thủ, 5D được thiết kế tiện dụng cung cấp sự thoải mái tuyệt vời khi sử dụng, thiết kế phần cổ và eo đặc biệt đảm bảo hoàn toàn thoải mái trong quá trình di chuyển. Bao gồm tất cả mọi thứ cần thiết được yêu cầu đối với thủy thủ đi ra khơi như mũ trùm đầu, dây nâng màu đỏ, đèn áo cứu sinh, đèn chiếu sáng.



## ÁO PHAO DECKVEST 6D

- Sức nổi 170N
- 1 kích cỡ phù hợp với nhiều đối tượng sử dụng
- Hệ thống kích hoạt UML Pro Sensor Elite
- Hệ thống vai cải tiến đảm bảo sự vừa vặn và thoải mái tuyệt vời trong suốt thời gian sử dụng
- Mặt lưng cải tiến với thiết kế gọn gàng
- Chất liệu được phủ chống mài mòn tại những vị trí quan trọng
- Mũ trùm đầu thể hệ mới trang bị tấm chắn bảo vệ trong, kích thước lớn - Được cất giữ tại vị trí cổ



## ÁO PHAO DURO SOLAS

Áo phao DURO SOLAS - Áo phao 2 ngăn 275N thường được sử dụng trong các trang trại điện gió, siêu du thuyền và giàn khoan... những khu vực yêu cầu áo phao được chứng nhận theo SOLAS

Được thiết kế sử dụng cùng với dây đai bảo vệ bắt rơi, áo phao DURO SOLAS cung cấp sự thoải mái trong suốt quá trình sử dụng, thiết kế đặc biệt cho phép tự do di chuyển và giảm thiểu sự cồng kềnh.

## MÁY ĐO TIẾNG ÒN NM102



- Màn hình lớn, rõ ràng được trang bị đèn nền.
- Phạm vi đo từ 30 đến 130 dB(A).
- Chỉ số mức độ âm thanh tối thiểu và tối đa.
- Giữ nút bấm nhằm cho biết mức độ hiển thị hiện tại.
- Cung cấp theo máy gồm tấm chắn gió, hộp bảo quản và pin. Màn hình: LCD 4 ký tự được trang bị đèn nền, thời gian cập nhật 0,5s
- Trọng âm tần số: C và A. Trọng âm thời gian: Nhanh (125 ms) và chậm (1 s). Dải tần nhạy âm: 50 dB.
- Microphone: 1/2" electret condenser.
- Nhiệt độ & độ ẩm sử dụng: 5°C đến 40°C, dưới 80% RH.
- Kích thước: 200 x 55 x 38, 170g (bao gồm pin).

## Hoa Gió



Type C



Type D

### Ứng Dụng Hoa Gió

Lĩnh vực hàng không: Sân bay, đường cất và hạ cánh, bãi đáp máy bay trực thăng, khu vực cứu thương trên không, trường học nhảy dù, cầu lạc bộ điều lượn.

Lĩnh vực an toàn: Công nghiệp hóa dầu, đầu khí và thiết bị xử lý sự cố, trạm điện, công trình xử lý nước và nước thải, cầu cảng, bến du thuyền và đường cao tốc, trạm quan sát thời tiết.

Lĩnh vực khác: Hoa gió có thể được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau như quảng cáo hoặc trang trí với hình ảnh thiết kế và logo bên trên..

Kích thước

Do yêu cầu của khác nhau của mỗi khách hàng, hoa gió sẽ được cung cấp với chỉ số và kích thước khác nhau dựa vào nhu cầu người sử dụng.

### Hoa Gió Type C

#### Khung treo

Một bộ Type C hoàn chỉnh được cung cấp kèm với hệ thống dây đai và móc kết nối, bao gồm 01 vòng tròn bằng chất liệu thép không gỉ được gắn vào phần miệng của hoa gió. 04 vòng nhỏ bằng đồng được sử dụng để gắn vào hệ thống dây đai 4 chiều bằng dây thép không gỉ.

Đầu cuối của hệ thống dây đai được kết nối bằng móc treo bằng thép không gỉ trang bị cơ chế trượt khuyên. Móc treo trượt khuyên là giải pháp an toàn nhất để gắn hoa gió vào hệ thống tay quay được gắn trên đỉnh của cột hoa gió/ Hoa gió Type C phù hợp sử dụng trong những ứng dụng trên đất liền, bờ biển và ngoài khơi, những khu vực thiết bị thường xuyên tiếp xúc với điều kiện môi trường khắc nghiệt.

#### Chất liệu

Hoa gió được làm bằng chất liệu polyester siêu bền với lớp phủ polyurethane, có tổng trọng lượng 200 gsm được kiểm định theo ISO 105 (4), EN 471 và EN 343.

#### Màu sắc

Hoa gió tiêu chuẩn có màu cam huỳnh quang. Có thể lựa chọn những màu phù hợp theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng.

#### Thông số kỹ thuật

Mã số, chiều dài, đường kính phần miệng, đường kính phần đuôi (tham khảo bảng bên dưới).  
 Chất liệu: Polyester phủ lớp polyurethane, 200gsm. Màu sắc: Cam huỳnh quang, cam sáng.  
 Khung treo bằng thép không gỉ bao gồm: móc kết nối, hệ thống dây đai và vòng miệng.

### Hoa Gió Type D

#### Khung treo

Một bộ Type D hoàn chỉnh được trang bị hệ thống dây cáp với móc bằng đồng. Bao gồm phần miệng chắc chắn với 01 hàng vòng kết nối bằng đồng. Hệ thống dây cáp chất lượng cao có khả năng bảo vệ chống chịu tia UV, có thể kết nối hoa gió với khung hoa gió một cách nhanh chóng và dễ dàng.

Hoa gió Type D phù hợp sử dụng trong hầu hết các ứng dụng, những khu vực hoa gió được gắn trực tiếp vào khung hoa gió.

#### Chất liệu

Hoa gió được làm bằng chất liệu polyester siêu bền phủ polyurethane, tổng trọng lượng 200 gsm được kiểm định theo ISO 105 (4), EN 471 và EN 343.

#### Màu sắc

Màu cam huỳnh quang, cam sáng tiêu chuẩn. Có thể cung cấp màu sắc khác nhau theo từng yêu cầu riêng biệt của mỗi khách hàng.

#### Thông số kỹ thuật

Mã số, chiều dài, đường kính phần miệng, đường kính phần đuôi (tham khảo bảng bên dưới).  
 Chất liệu: Polyester phủ lớp polyurethane, 200 gsm. Màu sắc: Cam huỳnh quang, cam sáng. Được cố định bằng phần miệng chắc chắn được trang bị 01 hàng móc treo bằng đồng và hệ thống dây cáp có khả năng bảo vệ chống tia UV

#### Tuân thủ theo:

1. ICAO phụ lục 14 Vol 2; 2. ICAO phụ lục 14 Vol II đối với bãi đáp trực thăng; 3. ICAO phụ lục 14 Vol đối với bãi đáp trực thăng; 4. CAP 1264; 5. EASA CS-ADR-DSN.
  6. Có quan an ninh an toàn MADS; 7. CAP 168.
- Tuân thủ theo NB từ Types 1 đến 6 như bên trên được khuyến cáo như kích thước tối thiểu.

Mã Hàng	Type	Chiều dài (L)	Đường kính miệng (MD)	Đường kính đuôi (TD)
WIDA-048-018-009-AAP-AA	D	4 feet	15 inch	8 inch
WICA-060-015-008-AAP-AA	C	5 feet	15 inch	8 inch
WIDA-072-024-012-ACS-AA	D	6 feet	24 inch	12 inch

MD

TD

## Thiết Bị Khóa Công Tắc Điện

Phù hợp sử dụng khóa tất cả các loại công tắc điện. Bao gồm công tắc điện thông thường và công tắc điện đặc thù.

- Sử dụng khóa hầu hết các công tắc điện tự động loại nhỏ (MCB)
- Sử dụng khóa công tắc điện 1-4 cực

Mã hàng	Mô tả
UCL-1	Đường kính lỗ móc ổ khóa 8 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 8 mm
UCL-2	Đường kính lỗ móc ổ khóa 8 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 13 mm
UCL-3	Đường kính lỗ móc ổ khóa 7 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 8 mm
UCL-4	Đường kính lỗ móc ổ khóa 7 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 8 mm
UCL-5	Đường kính lỗ móc ổ khóa 7 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 12-19 mm
UCL-2-EL	Đường kính lỗ móc ổ khóa 8 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 11 mm
UCL-7	Đường kính lỗ móc ổ khóa 7 mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 8 mm



UCL-7



UCL-1



UCL-2



UCL-3



UCL-4



UCL-5



UCL-2-EL

### CBL-1 - Thiết Bị Khóa Công Tắc Điện Loại Lớn

Phù hợp sử dụng với hầu hết công tắc tự động loại lớn (loại phổ thông)  
Được làm bằng nhựa ABS cứng  
Bao gồm đĩa đệm 5mm - chiều dài tay khóa 126mm  
Phù hợp sử dụng với ổ khóa có cụm khóa với đường kính lên đến 6.5mm

### CBL-3 - Thiết Bị Khóa Công Tắc Điện

Phù hợp sử dụng với MCCB của Schneider và Merlin Gerin  
Loại cạnh lớn sử dụng cho NS80, NSX100-250, NSE75-100, NSF150-250  
Loại cạnh nhỏ sử dụng cho NS/NSX400-630, NSJ 400-600  
Được làm từ thép nhẹ, sơn tĩnh điện  
3 lỗ móc ổ khóa phù hợp sử dụng với ổ khóa có cụm khóa với đường kính lên đến 6.5mm



SPLD-LCB



CBL-1



CBL-3

### SPLD - Thiết Bị Khóa Công Tắc Điện

Phù hợp sử dụng trong những trường hợp yêu cầu khóa công tắc riêng lẻ  
Được đúc bằng chất liệu Nylon  
Được gắn vào phần vỏ bảo vệ công tắc điện

Mã hàng	Mô tả
CBL-1	Khóa công tắc tự động loại lớn
CBL-3	Khóa công tắc có thanh gạt
SPLD-LCB	Sử dụng khóa công tắc điện

## Thiết Bị Khóa Cầu Chì

### UFL-2 Khóa Giá Kẹp Cầu Chì Thông Thường

Sử dụng khóa hầu hết loại giá kẹp cầu chì - 01 kích thước sử dụng cho tất cả các loại  
Sử dụng khóa giá kẹp cầu chì 20 Amp đến 400 Amp  
Được làm bằng chất liệu nhựa nylon có độ cứng cao  
Đường kính: 60x35x15mm  
Đường kính lỗ móc ổ khóa 8mm - đường kính ngàm kẹp tối đa 5mm



UFL-2



### UFL-NZ Khóa Sử Dụng Với Giá Đỡ Cầu Trì

Được làm bằng nhựa PVC cứng  
Đường kính 60 x 25mm  
Lỗ móc ổ khóa 7mm  
Ngăn chặn việc lắp đặt cầu trì NZ01 và NZ02



UFL-NZ



## Ngàm Móc Khóa

Ngàm Móc Khóa cho phép tối đa 6 người sử dụng khóa cùng một điểm của thiết bị.

Mã hàng	Đường Kính Cùm Khóa	Móc Ổ Khóa	Ngàm móc
SLH-30	8 mm	6	30 mm
SLH-31	9 mm	6	30 mm
SLH-42	9 mm	6	25 mm
SLH-44	9 mm	6	38 mm
SLH-52	9 mm	6	28 mm
SLH-40	9 mm	6	25 mm
SLH-41	9 mm	6	38 mm
SLH-12	9 mm	12	25 mm
SLH-24	9 mm	24	28 mm
SLH-70	8.5 mm	6	-



## Thiết Bị Khóa Dây

Xâu cáp vào và xung quanh thiết bị cần khóa, tiếp tục kéo cáp cho đến khi chặt, đóng tay cầm khóa màu đỏ và đặt tối đa 4 khóa móc và thẻ an toàn nếu cần.



### MFL-2P - Khóa Dây Cáp Thép

Phần vỏ bằng nhựa, cáp thép 5mm bọc lớp vệ PVC  
Dây cáp phụ kiện có sẵn - 2, 6 và 15 mét  
Phiên bản tiêu chuẩn trang bị dây cáp thép 1 mét

### MFL-2P - Khóa Dây Cáp Nhựa 5mm

Sử dụng tại những vị trí không cho phép sử dụng các sản phẩm kim loại. Ví dụ: Bên trong tủ điện  
\* Được làm bằng chất liệu nhựa chất lượng cao với dây cáp 5mm

### MFL-3 - Khóa Dây Cáp Thép 3mm

Dây cáp nhỏ phù hợp sử dụng khóa những thiết bị có lỗ móc nhỏ  
Dây cáp thép phủ PVC 3mm - 1 mét hoặc 2 mét  
Được làm bằng chất liệu nhựa chất lượng cao với dây cáp 3mm

Mã hàng	Mô tả	Móc Ổ Khóa
MFL-2	Dây cáp phụ kiện có sẵn - 2, 6 và 15 mét	4
MFL-2P	Khóa dây với dây cáp nhựa có chiều dài 1 m hoặc 2 m	4
MFL-3	Khóa dây với dây cáp thép có chiều dài 1 m hoặc 2 m	4



## Thiết Bị Khóa Đầu Cắm Điện

Đặt phích cắm điện hoặc ống kết thúc vào hộp, đóng và khóa bằng ổ khóa

### PLD-1 - Túi Khóa Đầu Cắm Điện Và Ống

Túi Vinyl chất lượng cao với dây cáp thép.  
Sử dụng đơn giản, đặt đầu dây hoặc ống dẫn khí vào bên trong túi, siết chặt dây khóa và cố định bằng ổ khóa

### PLD-12 - Cỡ lớn

Được làm bằng nhựa ABS có khả năng chống va đập cao  
Phù hợp sử dụng với đầu cắm điện 3 pha và ống dẫn khí với nhiều kích thước khác nhau  
CHÚ Ý: Không phù hợp sử dụng với đầu cắm điện Clipsal 33A, sử dụng PLD-2

### PLD-13 - Khóa Đầu Cắm Điện Và Dây (240 Volts)

Được làm bằng nhựa ABS có khả năng chống va đập cao  
Phù hợp sử dụng với đầu cắm điện 240v và ống dẫn khí với nhiều kích thước khác nhau



Mã hàng	Đường Kính Cùm Khóa	Móc Ổ Khóa
PLD-1	8 mm	4
PLD-12	7 mm	4
PLD-13	7 mm	4

## Thiết Bị Khóa Van

Đặt ôm tay cầm van và khóa lại với ổ khóa

### GVL-1a - Khóa Van - Có Thể Điều Chỉnh

Có thể sử dụng khóa van chặn (Gate Valve) có kích thước lên đến 165mm  
04 lỗ móc ổ khóa với đường kính cùm khóa lên đến 8.5mm  
Được làm bằng chất liệu polypropylene cao cấp  
Che phủ và xoay tự do xung quanh tay nắm van

### GVL-2-10 - Khóa Van Bi - Nhiều Kích Thước

Có 05 kích cỡ khác nhau  
Kháng chịu hóa chất tốt - được làm từ chất liệu polypropylene cao cấp  
Xoay tự do quanh cần van chặn  
Phù hợp sử dụng với các cần van có đường kính 500mm đến 350mm



## Khóa Van Bi

Khóa van bằng ổ khóa được gắn vào Khóa van bi.

### BVL-1 - Khóa Van Bi

Có thể sử dụng khóa hầu hết loại khóa bi có kích thước từ 10-32mm  
 Cũng có thể sử dụng cố định vị trí mở van bi  
 Kháng chịu hóa chất tốt - được làm từ chất liệu Polypropylene cao cấp  
 Phù hợp sử dụng với những ổ khóa có đường kính cùm khóa lên đến 6.5mm  
 Thiết kế "nguyên khối" - dễ sử dụng  
 Màu sắc hiển thị cao - Vàng hoặc Đỏ  
 CHÚ Ý: BVL-1 chỉ sử dụng khóa van với phần tay cầm mở theo hướng ngược chiều kim đồng hồ  
 Phù hợp sử dụng với tay cầm có chiều rộng tối đa 25mm

### BVL-2 - Khóa Van Bi

Có thể sử dụng khóa hầu hết loại khóa bi có kích thước từ 10-32mm  
 Kháng chịu hóa chất tốt - được làm từ chất liệu Polypropylene cao cấp  
 Phù hợp sử dụng với những ổ khóa có đường kính cùm khóa lên đến 7mm  
 Có thể sử dụng cố định vị trí đóng và mở van

### BVL-3 - Khóa Van Bi

Có thể sử dụng khóa hầu hết loại khóa bi có kích thước từ 32-75mm  
 Kháng chịu hóa chất tốt - được làm từ chất liệu Polypropylene cao cấp  
 Phù hợp sử dụng với những ổ khóa có đường kính cùm khóa lên đến 7mm



Mã hàng	Kích Thước Van Bi
BVL-1	10 - 32mm (3/8" - 1 1/4")
BVL-2	10mm -32mm (3/8" to 1 1/4")
BVL-3	10mm -32mm (3/8" to 1 1/4")

## Khóa An Toàn

Ổ khóa được đánh chìa riêng như tiêu chuẩn. Khóa giống nhau (Keyed Alike) và khóa chính cũng có thể tùy chọn (ngoại trừ thể hệ SLP-150).



Mã hàng	Mô tả
SLP-150-XXX	Khóa an toàn - Chìa khóa khác nhau - 1 gói
SLP-150-XXX- 2 KEY	Khóa an toàn - Chìa khóa khác nhau - 1 gói/2 chìa
SLP-438-XXX	Khóa an toàn - Chìa khóa khác nhau - 01 gói
SLP-438-XXX-KA	Khóa an toàn - Chìa khóa giống nhau - 01 gói
SLP-438-XXX-MK	Khóa an toàn - Chìa khóa chính - 01 gói
SLP-450-XXX	Khóa an toàn - Chìa khóa khác nhau - 01 gói
SLP-450-XXX-KA	Khóa an toàn - Chìa khóa giống nhau - 01 gói
SLP-450-XXX-KA	Khóa an toàn - Chìa khóa chính - 01 gói
SLP-538-XXX	Khóa an toàn - Chìa khóa khác nhau - 01 gói
SLP-538-XXX-KA	Khóa an toàn - Chìa khóa giống nhau - 01 gói
SLP-538-XXX-MK	Khóa an toàn - Chìa khóa chính - 01 gói

## Hộp Khóa Nhóm

Đảm bảo khóa các nguồn năng lượng trong các dự án quy mô lớn cho đến khi tất cả công nhân đã tháo khóa.

### Hộp Khóa Nhóm - 16 Khóa

Có thể được lắp đặt cố định trên tường - hoặc di chuyển cơ động (bao gồm tay nắm)  
 Được làm bằng chất liệu nhựa đúc chắc chắn  
 Trọng lượng nhẹ chỉ 600g  
 Mặt trước trong suốt - có thể dễ dàng quan sát chìa khóa bên trong  
 Bên trong thiết kế 06 móc treo cho phép treo số lượng lớn chìa khóa

### Hộp Khóa Nhóm - 29 Khóa

Được làm bằng chất liệu nhựa ABS cao cấp  
 Nắp bảo vệ trượt trong suốt, có thể quan sát chìa phía bên trong  
 Lắp đặt cố định trên tường  
 Màu sắc tiêu chuẩn: Vàng



GLB-6-RED



GLB-8-YLW

# KLEVER XCHANGE

## Dao An Toàn



**KCJ-XC-20R**

Lưỡi dao ngắn (20) phù hợp sử dụng trong những công việc thông thường và bao gồm 2 đầu dao giúp tăng gấp đôi hiệu quả

**KCJ-XC-30B**

Lưỡi dao dài (30) phù hợp sử dụng với những bề mặt dày hơn bao gồm bề mặt gấp nếp 2 lớp

**KCJ-XC-35G**

Lưỡi dao đa năng (35) phù hợp sử dụng với những bề mặt dày hơn và sử dụng trong nhiều mục đích khác nhau

**KCJ-XC-35G**

Lưỡi dao đa năng (35) trang bị đầu rọc băng dính trên đầu lưỡi dao cũng như phần tay cầm

**KCJ-XC-35Y**

Lưỡi dao đa năng (35) trang bị đầu rọc không lưỡi, qua đó gia tăng sự cơ động và hữu dụng của dao an toàn XChange

**KCJ-XC-40X**

Lưỡi dao còng (40) là sự lựa chọn phù hợp sử dụng với những bề mặt đặc thù và có khả năng bảo mòn



### An Toàn Và Tiện Lợi

- Lưỡi cắt được thiết kế thật sâu vào bên trong nhằm hạn chế tối đa những tai nạn đứt tay hoặc làm hư hỏng hàng hóa
- Phù hợp sử dụng cắt hộp, film, băng dính và hàng ngàn ứng dụng khác
- Đầu rạch băng dính bằng kim loại được cải tiến
- Tay cầm được làm bằng nhựa polymers chất lượng cao - bám dính
- Cấp độ an toàn cao nhất
- Lưỡi dao có thể thay thế

Có sẵn màu Vàng, Cam, Đỏ, Xanh Dương

Mã Số	Mô Tả
KCJ-XC-20B (Lưỡi dao ngắn)	Có sẵn màu Vàng, Cam, Đỏ, Xanh Dương
KCJ-XC-30B (Lưỡi dao dài)	Có sẵn màu Vàng, Cam, Đỏ, Xanh Dương
KCJ-XC-35B (Lưỡi dao đa năng)	Có sẵn màu Vàng, Cam, Đỏ, Xanh Dương
KCJ-XH-20	Đầu lưỡi dao thay thế
KCJ-XH-30	Đầu lưỡi dao thay thế



**ĐẦU DAO THAY THẾ KLEVER XCHANGE**

Đầu dao có thể thay thế và lắp đặt đơn giản phù hợp sử dụng với tất cả dao an toàn XChange™



**KLEVER HOLSTER™**

Túi bảo quản dao an toàn Klever XChange™ và đầu dao thay thế

## Liên Hệ

### CÔNG TY TNHH TM & DV XUYÊN ĐÔNG DƯƠNG

#### Trụ Sở Chính

131 Đường Tân Cảng, Phường 25,  
Quận Bình Thạnh  
Tel: (028) 3512.7509 - Fax: (028) 3512.7510  
Email: info@panindochina.com.vn

#### Chi Nhánh Miền Bắc

Phòng 2A, Số 33 Nguyễn Sơn, Tổ 09,  
Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên  
Tel: (024) 3228.2130 - Fax: (024) 3228.2137  
Email: info@panindochina.com.vn

#### Văn Phòng Đại Diện

Tầng 9 Tòa Nhà PV Bank, Số 2 Đường 30/4,  
Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu  
Tel: (028) 3512.7509 - Fax: (028) 3512.7510  
Email: info@panindochina.com.vn

